VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về xuất khẩu khoáng sản

Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về xuất khẩu khoáng sản như sau:[1,2]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. [3]Thông tư này quy định danh mục, tiêu chuẩn, chất lượng khoáng sản xuất khẩu và điều kiện khoáng sản xuất khẩu.

2. Khoáng sản xuất khẩu bao gồm: khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại, khoáng sản làm khoáng chất công nghiệp.

Than, dầu mỏ, khí đốt thiên nhiên, condensate, băng cháy, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng, hợp kim, kim loại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

---

[1] Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nặng,"

[2] Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,"

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

3. [4]Việc xuất khẩu khoáng sản theo phương thức kinh doanh tạm nhập tái xuất hoặc nhận gia công chế biến cho thương nhân nước ngoài để xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến xuất khẩu khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiêu chuẩn VILAS*: Là tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam (Vietnam Laboratory Accrediation Scheme).

2. *Cơ quan nhà nước có thẩm quyền:* Là các cơ quan quản lý nhà nước Trung ương (các Bộ) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh).

3. *Chế biến khoáng sản*: Là quá trình sử dụng riêng biệt hoặc kết hợp các phương pháp cơ - lý - hóa để làm biến tính khoáng sản nguyên khai nhằm tạo ra một hoặc nhiều sản phẩm dưới dạng: tinh quặng, kim loại, hợp kim, hợp chất hóa học, khoáng chất công nghiệp có quy cách, tính chất phù hợp yêu cầu sử dụng, có giá trị sử dụng và giá trị thương mại cao hơn khoáng sản nguyên khai.

Điều 4. Điều kiện khoáng sản xuất khẩu[5]

Khoáng sản được phép xuất khẩu phải đáp ứng đồng thời các Điều kiện sau:

1. Có tên trong danh Mục và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1, Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

2. Có nguồn gốc hợp pháp thuộc các trường hợp sau đây:

a) Khoáng sản được khai thác, chế biến từ các mỏ, Điểm mỏ có Giấy phép khai thác, Giấy phép khai thác tận thu còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) [6]Khoáng sản nhập khẩu thể hiện tại tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu.

c) Khoáng sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tịch thu, phát mại.

Đối với khoáng sản tịch thu, phát mại phải có các chứng từ sau: Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung công quỹ, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao tài sản vi phạm hành chính bị tịch thu bán đấu giá.

d) Sản phẩm khoáng sản đã qua chế biến từ các nguồn khoáng sản hợp pháp nêu tại Điểm a, b, c Khoản này phải phù hợp với công nghệ chế biến của cơ sở chế biến.

3. Đối với khoáng sản xuất khẩu trong thành phần chứa thori, urani bằng hoặc lớn hơn 0,05% tính theo trọng lượng ngoài việc đảm bảo các Điều kiện nêu tại Khoản 1 và 2 Điều này phải có giấy phép xuất khẩu vật liệu phóng xạ của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử."

Điều 5. Thủ tục xuất khẩu khoáng sản[7]

1. Trước khi làm thủ tục xuất khẩu, doanh nghiệp phối hợp cùng cơ quan Hải quan lấy mẫu phân tích cho từng lô hàng xuất khẩu để làm căn cứ xác định chất lượng. Việc phân tích mẫu thực hiện tại phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS.

2. Hồ sơ xuất khẩu khoáng sản bao gồm:

a) Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm nêu tại Điểm 1 trên đây (bản chính).

b)[8] Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu theo quy định) nộp cho cơ quan Hải quan, gồm có:

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

- Giấy phép khai thác hoặc Giấy phép khai thác tận thu quy định tại Khoản 2 Điều 4 (sửa đổi) theo Thông tư này.

- Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu đối với trường hợp nhập khẩu;

- Chứng từ mua khoáng sản tịch thu, phát mại theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 (sửa đổi) theo Thông tư này đối với trường hợp mua khoáng sản phát mại.

- Chứng từ mua khoáng sản để chế biến (Hợp đồng mua khoáng sản, Hóa đơn giá trị gia tăng) kèm theo Giấy phép khai thác hoặc Giấy phép khai thác tận thu hoặc Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu hoặc chứng từ mua khoáng sản tịch thu, phát mại của Bên bán; Bản mô tả quy trình chế biến, tỷ lệ sản phẩm thu hồi sau chế biến đối với trường hợp mua khoáng sản để chế biến.

- Chứng từ mua khoáng sản (Hợp đồng mua khoáng sản, hóa đơn giá trị gia tăng) kèm theo Giấy phép khai thác hoặc Giấy phép khai thác tận thu hoặc Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu hoặc Chứng từ mua khoáng sản tịch thu, phát mại của Bên bán đối với trường hợp kinh doanh thương mại.

c) Văn bản chấp thuận xuất khẩu (nếu có) quy định tại Điều 6 và Khoản 3 Điều 4 (sửa đổi) theo Thông tư này (xuất trình bản chính và nộp bản sao);

d) Báo cáo xuất khẩu khoáng sản (bản sao) của doanh nghiệp kỳ trước đã gửi cho các cơ quan nhà nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 (sửa đổi) theo Thông tư này, trừ doanh nghiệp mới thực hiện xuất khẩu trong kỳ báo cáo;

đ) Các chứng từ khác về xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Trường hợp cá biệt[9]

1. Đối với khoáng sản chuyển ra nước ngoài để phân tích, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ: Doanh nghiệp có văn bản gửi Bộ Công Thương, kèm theo hồ sơ liên quan: Báo cáo về sự cần thiết phân tích, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ; Phương án xử lý đối với sản phẩm sau khi nghiên cứu, thử nghiệm; Hợp đồng hoặc văn bản hợp tác nghiên cứu thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; Hồ sơ chứng minh nguồn gốc khoáng sản.

2. Các trường hợp sau đây

a) Sản phẩm khoáng sản đã qua chế biến nhưng không thể đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu theo quy định;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

b) Sản phẩm khoáng sản tồn kho của các mỏ có giấy phép khai thác nhưng đã hết hiệu lực mà không trái với quy định tại Khoản 3, Điều 58 Luật Khoáng sản;

c) Sản phẩm khoáng sản không thuộc danh Mục tại Phụ lục 1 Thông tư này, nhưng hiện tại trong nước không có nhu cầu tiêu thụ;

d) Sản phẩm khoáng sản xuất khẩu để đối lưu nhập khẩu hàng hóa cần thiết cho nhu cầu sản xuất trong nước;

đ) Khoáng sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước nhưng không tiêu thụ hết. Đối với các trường hợp nêu tại Điểm a, b, c, d Khoản này phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản khai thác, chế biến kiểm tra thực tế và có văn bản gửi Bộ Công Thương xem xét, giải quyết.

Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể."

Điều 7. Báo cáo thực hiện xuất khẩu khoáng sản[10]

1. Nội dung báo cáo thực hiện xuất khẩu khoáng sản theo Biểu mẫu 01 và Biểu mẫu 02 tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo xuất khẩu khoáng sản thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp có phát sinh xuất khẩu khoáng sản trong quý lập báo cáo theo Biểu mẫu 01 tại Phụ lục 2 gửi về Bộ Công Thương (Vụ Công nghiệp nặng), Sở Công Thương, Cục Hải quan cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu quý tiếp theo;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có doanh nghiệp xuất khẩu khoáng sản lập báo cáo tổng hợp theo 6 tháng và hàng năm theo Biểu mẫu 02 tại Phụ lục 2 gửi về Bộ Công Thương (Vụ Công nghiệp nặng) chậm nhất vào ngày 31/7 và 31/01 hàng năm.

3. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cáo đột xuất để phục vụ công tác quản lý, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý

1. Vụ Công nghiệp nặng (Bộ Công Thương) chịu trách nhiệm chủ trì và đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan định kỳ tổ chức kiểm tra

---

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

việc chấp hành các quy định về xuất khẩu khoáng sản theo Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan.

2. Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu khoáng sản, Vụ Công nghiệp nặng có trách nhiệm báo cáo Bộ xem xét điều chỉnh, bổ sung Thông tư này khi cần thiết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành[11, 12]

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 02 năm 2013 và thay thế Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản.

Điều 10. Tổ chức thực hiện[13]

1. Các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến xuất khẩu khoáng sản chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, xử lý.

2. Bộ Công Thương có quyền yêu cầu dừng việc xuất khẩu khoáng sản đối với doanh nghiệp xuất khẩu bị phát hiện vi phạm các quy định của Thông tư này.

---

[11] Điều 3 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016, quy định như sau:

"**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2016./."

[12] Điều 8 Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

"**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./."

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

PHỤ LỤC 1[14]

DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHOÁNG SẢN XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Danh Mục sản phẩm	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời hạn xuất khẩu
1	Sản phẩm chế biến từ quặng Titan		
	1.1. Bột zircon	$ZrO_2 \geq 65\%$, cỡ hạt ≤ 75 µm	
	1.2. Ilmenite hoàn nguyên	$TiO_2 \geq 56\%$, $FeO \leq 9\%$, $Fe \leq 27\%$	Xuất khẩu đến hết năm 2020
	1.3. Xỉ titan loại 1	$TiO_2 \geq 85\%$, $FeO \leq 10\%$	
	1.4. Xỉ titan loại 2	$85\% > TiO_2 \geq 70\%$, $FeO \leq 10\%$	
	1.5. Tinh quặng rutil	$TiO_2 \geq 83\%$	
	1.6. Rutil nhân tạo/rutile tổng hợp	$TiO_2 \geq 83\%$	
	1.7. Tinh quặng Monazit	$REO \geq 57\%$	
2	Sản phẩm chế biến từ quặng bôxít		
	2.1. Alumin	$Al_2O_3 \geq 98,5\%$	
	2.2. Hydroxit nhôm - $Al(OH)_3$	$Al_2O_3 \geq 64\%$	
3	Tinh quặng Bismut	$Bi \geq 70\%$	
4	Tinh quặng Niken	$Ni \geq 9,5\%$	
5	Bột ôxit đất hiếm riêng rẽ	$TREO \geq 99\%$	
6	Tinh quặng Fluorit	$CaF_2 \geq 90\%$	
7	Bột barit	$BaSO_4 \geq 90\%$, cỡ hạt < 1mm	
8	Đá hoa trắng		
8.1.	Dạng bột	Cỡ hạt < 1mm, độ trắng ≥ 85%	
8.2.	Dạng cục		
8.2.1		Cỡ cục 1 - 400 mm, độ trắng ≥ 95%	Xuất khẩu đến hết năm 2020
8.2.2		Cỡ cục 1 - 400 mm, 95% > độ trắng ≥ 80%	
9	Tinh quặng Graphit	$C \geq 90\%$	Xuất khẩu đến hết năm 2020

Biểu mẫu dành cho doanh nghiệp

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 12/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.

PHỤ LỤC 2

BIỂU MẪU BÁO CÁO XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Biểu mẫu 01. BÁO CÁO THỰC HIỆN XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN QUÝ…. NĂM…..

(Kèm theo Báo cáo số……. ngày… tháng..... năm….. của Công ty…….)

TT	Loại khoáng sản xuất khẩu, chất lượng	MÃ HS	Khối lượng xuất khẩu trong kỳ (tấn, m^3)			Giá bán đơn vị bình quân (USD)	Tổng giá trị (Quy đổi USD)	Xuất xứ sản phẩm	Thị trường xuất khẩu	Văn bản pháp lý
			Quý I (Quý III)	(Quý II) (Quý IV)	Cộng 6 tháng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										

I. Nội dung báo cáo kèm theo Biểu 01, gồm:

1. Thông tin về doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp, trụ sở chính, số điện thoại liên lạc, giám đốc doanh nghiệp.

2. Tình hình khai thác, chế biến (nếu doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu):

- Giấy phép khai thác: Liệt kê các giấy phép khai thác mỏ liên quan đến nguồn gốc khoáng sản chế biến xuất khẩu

- Năng lực khai thác, tuyển quặng, chế biến (theo từng sản phẩm)

3. Khối lượng xuất khẩu trong kỳ báo cáo (chi tiết theo Biểu 01 kèm theo)

4. Tình hình xuất khẩu trong kỳ

- Số thuế xuất khẩu phải nộp, số thuế đã nộp trong kỳ.

- Tình hình xuất khẩu

- Khó khăn, vướng mắc, đề xuất.

II. Hướng dẫn ghi tại Biểu 01

- Cột (2) ghi tên loại khoáng sản và tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu.

- Cột (3) ghi theo mã hàng hóa HS xuất khẩu tại Tờ khai Hải quan.

- Cột (8) ghi giá trị xuất khẩu được quy đổi về Đô la Mỹ (USD) theo thời điểm xuất khẩu.

- Cột (9) ghi xuất xứ hàng hóa theo nguồn gốc khoáng sản xuất khẩu.

- Cột (10) Văn bản pháp lý: Chỉ ghi văn bản cho phép xuất khẩu đối với trường hợp không thuộc danh mục khoáng sản xuất khẩu của Thông tư.

Biểu mẫu dành cho UBND cấp tỉnh

Biểu mẫu 02. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN 6 THÁNG NĂM…

trên địa bàn tỉnh:……..

(Kèm theo Báo cáo số……..../UBND- ngày… tháng..... năm.....
của tỉnh…….)

TT	Tên Doanh nghiệp xuất khẩu	Loại hình doanh nghiệp xuất khẩu	Loại khoáng sản xuất khẩu, chất lượng	Mã HS	Khối lượng (tấn)		Giá trị (USD)	Xuất xứ hàng hóa	Thị trường xuất khẩu	Văn bản pháp lý
					6 tháng đầu năm	Cộng dồn cả năm				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	**Doanh nghiệp**									
1	Doanh nghiệp A	KTCB								
1	Doanh nghiệp B	TM								
2	Doanh nghiệp C	.....								
II	**Tổng cộng (theo từng loại sản phẩm khoáng sản)**									
1	Xỉ titan									
2	Zircon									
3	.....									

I. Nội dung báo cáo kèm theo Biểu 02, gồm:

1. Tình hình khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh

- Tổng số giấy phép khai thác mỏ còn hiệu lực liên quan đến khoáng sản xuất khẩu, công suất khai thác, tuyển quặng; công suất các nhà máy chế biến.

- Sản lượng khai thác, tuyển quặng, chế biến (theo từng sản phẩm) đạt được trong kỳ. Tình hình tiêu thụ, tồn kho khoáng sản.

- Nhu cầu khoáng sản (quặng, tinh quặng) cho các dự án chế biến đã đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Khối lượng xuất khẩu 6 tháng hoặc cả năm (chi tiết theo Biểu 02 kèm theo)

3. Tình hình xuất khẩu trong kỳ

- Số thuế xuất khẩu phải nộp, số thuế đã nộp trong kỳ.

- Tình hình xuất khẩu khoáng sản, những vấn đề tồn tại, vướng mắc.

4. Tình hình chấp hành pháp luật về xuất khẩu khoáng sản.

II. Hướng dẫn ghi tại Biểu 02

- Cột (3) Ghi theo hình thức doanh nghiệp xuất khẩu: Tự khai thác, chế biến (KTCB); Chế biến từ nguồn khác (CB), Ủy thác (UT), Thương mại (TM), Gia công từ nguồn nhập khẩu (GC), Tạm nhập tái xuất (TNTX), Tạm xuất tái nhập (TXTN), khác (K).

- Các cột còn lại ghi theo hướng dẫn tại Biểu 01.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 03/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2018

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh